

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2018/DS-ST

Ngày: 23/4/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lý

2/ Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959

Thường trú: số A đường Lê Văn V, phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: số C đường Trương Văn H, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1969

Cư trú: số D đường H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959 (vắng mặt)

3.2 Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng cư trú: số E đường L, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Bà Nguyễn Thị Hồng P1, sinh năm 1959

Cư trú: số C đường Trương Văn H, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2017 và lời trình bày của ông Đoàn Văn Đ trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 20/6/2009 giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích P có lập giấy thỏa thuận thực hiện về việc vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 20/6/2009 đến ngày 20/6/2010, lãi vay 2.5%/tháng/tổng số tiền vay. Ông đã giao tiền và bà Nguyễn Thị Bích P đã nhận đủ tiền. Tuy nhiên đến nay đã quá hạn thỏa thuận nhưng bà Nguyễn Thị Bích P vẫn chưa thanh toán cho ông số tiền nào kể cả gốc và lãi.

Khi vay tiền của ông, bà Nguyễn Thị Bích P có thể chấp cho ông 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04924 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 22/3/2006 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P. Việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do bà Nguyễn Thị Bích P giao trực tiếp cho ông và ông chỉ nhận theo thỏa thuận tại giấy vay tiền, đôi bên không lập bất cứ hợp đồng thế chấp nào, ông không gặp ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P.

Đồng thời bà Nguyễn Thị Bích P cam kết sẽ ra công chứng sang tên căn nhà tại địa chỉ số M đường H, phường L, quận T cho ông. Tuy nhiên, thỏa thuận này không thực hiện được do bà Nguyễn Thị Bích P đã vi phạm cam kết, không thực hiện việc công chứng mua bán nhà với ông.

Ông có biết việc bà Nguyễn Thị Bích P và bà Nguyễn Thị Hồng P1 vợ ông ký hợp đồng công chứng mua bán nhà số M đường H, phường L, quận T ngày 21/11/2008 tại Phòng Công chứng số S, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đây là để bảo đảm cho khoản vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trước đó, không liên quan gì đến khoản tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng mà ông đang khởi kiện. Đến ngày 13/10/2009 bà Nguyễn Thị Hồng P1 và bà Nguyễn Thị Bích P đã ký bản thỏa thuận hủy bỏ việc mua bán nhà đã ký do bà Nguyễn Thị Bích P đã trả tiền cho ông. Ông khẳng định từ trước đến nay giữa bà Nguyễn Thị Bích P và bà Nguyễn Thị Hồng P1 chỉ ký kết hợp đồng đặt cọc, hợp đồng mua bán và hủy bỏ việc mua bán một lần đối với căn nhà số M đường H, phường L, quận T và bà Nguyễn Thị Hồng P1 ký theo yêu cầu của ông.

Ông khẳng định khoản tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng ông đã cho bà Nguyễn Thị Bích P vay thì bà Nguyễn Thị Bích P chưa thanh toán cho ông, việc bà Nguyễn Thị Bích P trình bày vay của ông 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và đã trả 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng chỉ là trình bày của bà Nguyễn Thị Bích P, nếu đã trả thì bà Nguyễn Thị Bích P phải tự chứng minh về số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng đã trả này, ông không thừa nhận.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04924 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 22/3/2006 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P hiện ông đang giữ bản chính, khi nào bà Nguyễn Thị Bích P trả tiền cho ông thì ông sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà Nguyễn Thị Bích P. Số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng ông cho bà Nguyễn Thị Bích P vay là tài sản riêng của ông không liên quan đến ai khác và nay ông cũng chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Bích P trả 1.000.000.000 (một tỷ) đồng cho ông. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

* Bà Nguyễn Thị Bích P trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa:

Bà xác định chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị Bích P bên dưới của giấy thỏa thuận thực hiện ngày 20/6/2009 là chữ ký và chữ viết của bà. Nội dung của giấy thỏa thuận bà không nhớ và có đúng giấy thỏa thuận được lập ngày 20/6/2009 hay không thì bà không biết.

Song song với việc ký kết giấy thỏa thuận thực hiện này thì giữa bà và ông Đoàn Văn Đ có ký kết hợp đồng đặt cọc và hợp đồng mua bán nhà số M đường H, phường L, quận T. Tuy nhiên những hợp đồng đặt cọc và hợp đồng mua bán căn nhà nêu trên được ký kết giữa bà và bà Nguyễn Thị Hồng P1.

Giữa bà và ông Đoàn Văn Đ có quan hệ vay tiền nhiều lần, tuy nhiên chưa lần nào bà vay với số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng như trong nội dung giấy thỏa thuận ngày 20/6/2009 và trước khi ông Đoàn Văn Đ cho bà vay tiền đều có ra ký kết hợp đồng công chứng mua bán nhà tại phòng công chứng sau đó mới nhận tiền. Ngay sau khi bà trả tiền cho ông Đoàn Văn Đ thì bà và bà Nguyễn Thị Hồng P1 đã cùng nhau ký bản thỏa thuận về việc hủy bỏ hợp đồng mua bán căn nhà nêu trên tại phòng công chứng số 03, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/10/2009. Giữa bà và ông Đoàn Văn Đ chỉ 01 lần ký hợp đồng đặt cọc, mua bán và hủy hợp đồng mua bán căn nhà số M đường H, phường L, quận T dưới danh nghĩa ký với bà Nguyễn Thị Hồng P1. Bà đã trả cho ông Đoàn Văn Đ 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, hiện tại bà chỉ còn nợ ông Đ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và ông Đ còn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04924 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2006 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P. Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P là anh trai và chị dâu của bà đưa giấy chứng nhận cho bà và bà đưa cho ông Đoàn Văn Đ để đảm bảo cho khoản vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả cho ông Đ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng này và tiền lãi nếu ông Đ có yêu cầu.

* Bà Nguyễn Thị Hồng P1 trình bày tại bản tự khai:

Bà là vợ của ông Đoàn Văn Đ. Việc tranh chấp giữa ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích P không liên quan đến bà do đây là tài sản riêng của ông Đoàn Văn Đ. Hợp đồng đặt cọc ngày 19/11/2008 và hợp đồng công chứng mua bán căn nhà số M đường H, phường L, quận T ngày 21/11/2008 bà ký với bà Nguyễn Thị Bích P là do bà Nguyễn Thị Bích P vay tiền của ông Đoàn Văn Đ và các bên làm hợp đồng mua bán nhà. Do ông Đoàn Văn Đ đi làm, bà là vợ thì đi ký thay cho ông Đoàn Văn Đ. Nội dung vay tiền giữa ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bích P như thế nào thì bà không biết.

Bản thỏa thuận hủy hợp đồng mua bán nhà ký ngày 13/10/2009 cũng do ông Đoàn Văn Đ yêu cầu bà ký, về nội dung bà không biết vì sao hủy.

* Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Nguyễn Thị Bích P cư trú tại quận T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Hồng P1 đến tham gia phiên tòa nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích P trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng:

Tại giấy thỏa thuận thực hiện ngày 20/6/2009 đã ghi: “*để bảo đảm tiền vay chúng tôi cùng nhau thực hiện công chứng hợp đồng mua bán căn nhà số M đường H, phường L, quận T và thế chấp căn nhà số E đường L, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04924 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2006. Giá trị của 02 căn nhà đứng bằng giá trị tiền vay*”.

Ông Đoàn Văn Đ khai nhận ông có biết việc bà Nguyễn Thị Hồng P1 và bà Nguyễn Thị Bích P ký hợp đồng đặt cọc ngày 19/11/2008 và hợp đồng mua bán ngày 21/11/2008, bản thỏa thuận hủy bỏ việc mua bán nhà ngày 13/10/2009 đối với căn nhà số M đường H, phường L, quận T. Bà Nguyễn Thị Hồng P1 là vợ ông và làm theo yêu cầu của ông. Ông đã nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Bích P vay tài sản. Các hợp đồng đặt cọc, mua bán và hủy hợp đồng mua bán đối với căn nhà số M đường H, phường L, quận T chỉ được thực hiện một lần trong suốt quá trình vay tài sản của hai bên và bảo đảm cho khoản vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, không liên quan đến khoản vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng mà ông đang khởi kiện. Tuy nhiên, giấy thỏa thuận thực hiện ngày 20/6/2009 các bên thỏa thuận công chứng hợp đồng mua bán căn nhà số M đường H, phường L, quận T. Theo ông Đ nội dung thỏa thuận này nghĩa là các bên sẽ tiếp tục công chứng căn nhà trên để đảm bảo cho khoản vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng nhưng các bên không thực hiện được thỏa thuận này do sau khi trả tiền, bà Nguyễn Thị Bích P ký hợp đồng hủy hợp đồng mua bán nhà với bà P1 thì bà Nguyễn Thị Bích P đã lấy giấy chứng nhận quyền sở hữu của căn nhà số M đường H, phường L, quận T nhưng không thực hiện việc công chứng mua bán nhà với ông.

Như vậy, ông Đoàn Văn Đ đã biết căn nhà số M đường H, phường L, quận T đã được công chứng mua bán để bảo đảm cho khoản vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng của hai bên trước đó nhưng đến ngày 20/6/2009 lại tiếp tục thỏa thuận công chứng mua bán căn nhà trên để đảm bảo cho khoản vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Thỏa thuận này không thể thực hiện được vì căn nhà số M đường H, phường L, quận T đã được ký hợp đồng mua bán đang tồn tại nên không thể tiếp tục thực hiện công chứng mua bán nhà.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định mặc dù giấy thỏa thuận thực hiện ngày 20/6/2009 thể hiện ông Đoàn Văn Đ cho bà Nguyễn Thị Bích P vay 1.000.000.000 (một

tỷ) đồng, thời gian vay từ ngày 20/6/2009 đến ngày 20/6/2010, lãi vay 2,5%/tháng/tổng tiền vay nhưng đây không phải là khoản vay mới được giao kết vào ngày 20/6/2009 mà là giấy vay nợ cộng chung của các lần vay trước đó mà thành, đến thời điểm ngày 20/6/2009 các bên tổng kết số tiền nợ gốc, thời hạn vay và lãi suất như đã nêu trên.

Ngày 13/10/2009, bà Nguyễn Thị Hồng P1 và bà Nguyễn Thị Bích P đã ký kết bản thỏa thuận số công chứng 28390 tại Phòng Công chứng số S, Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung hủy bỏ hợp đồng mua bán nhà có số công chứng 27920 ngày 21/11/2008 đối với căn nhà số M đường H, phường L, quận T. Ông Đoàn Văn Đ khai nhận việc bà Nguyễn Thị Bích P và bà Nguyễn Thị Hồng P1 ký văn bản thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng mua bán nhà là do bà Nguyễn Thị Bích P đã trả cho ông số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, đồng thời các bên có làm giấy cam kết tay với nhau (giấy cam kết không ghi ngày tháng). Như vậy có cơ sở xác định sau khi tổng kết nợ vào ngày 20/6/2009 thì ngày 13/10/2009 bà Nguyễn Thị Bích P đã trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Lời khai của bà Nguyễn Thị Bích P về việc đã trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng nhưng không được ông Đoàn Văn Đ thừa nhận. Ngoài lời khai bà Nguyễn Thị Bích P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng nên không có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Bích P đã trả số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

Do đó, có căn cứ xác định hiện nay bà Nguyễn Thị Bích P còn nợ ông Đoàn Văn Đ số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ đối với số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa.

[4] Về tiền lãi: Các bên không tranh chấp về tiền lãi. Ông Đoàn Văn Đ không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích P phải thanh toán tiền lãi là tự nguyện, có lợi cho bà Nguyễn Thị Bích P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04924 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 22/3/2006: Nội dung của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là chứng nhận ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số E đường L, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay ông Đoàn Văn Đ đang giữ bản chính do bà Nguyễn Thị Bích P giao cho ông để bảo đảm cho khoản vay. Xét đây là hình thức giao dịch thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Theo quy định tại Điều 90, Điều 93 Luật Nhà ở năm 2005 thì hình thức của hợp đồng thế chấp phải được công chứng, chứng thực. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Bích P giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04924 cho ông Đoàn Văn Đ nhưng không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên giao dịch này không có hiệu lực. Ông Đoàn Văn Đ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04924 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 22/3/2006.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ được chấp nhận một phần nên ông Đoàn Văn Đ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, bà Nguyễn Thị

Bích P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 90, Điều 93 Luật Nhà ở năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Buộc bà Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Đoàn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Bích P vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Bích P còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Buộc ông Đoàn Văn Đ trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04924 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 22/3/2006.

3. Về án phí:

Ông Đoàn Văn Đ phải nộp 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng ông Đoàn Văn Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015080 ngày 28/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí còn lại là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị Bích P phải nộp 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đặt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Lệ Thủy